UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1 /KH-STNMT

Bắc Giang, ngày 08 *tháng 01 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2024; căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng, triển khai nền tảng tài nguyên số về tài nguyên và môi trường với giải pháp công nghệ hiện đại, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, cung cấp đầy đủ dữ liệu đầu vào cơ bản, cần thiết cho xây dựng Chính quyền điện tử, nền kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh, phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND các cấp, thay đổi phương thức làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ; cung cấp dịch vụ công chất lượng cao, nhanh chóng về tài nguyên và môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng của tỉnh.

- Tiếp tục duy trì và giữ vững thứ hạng (thứ nhất) mức độ chuyển đổi số các cơ quan nhà nước khối Sở, ngành năm 2024 và các năm tiếp theo; thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 111- NQ/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng các mục tiêu cụ thể trong phát triển chính quyền số gồm:

- Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt trên 70%.

- Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ xa đạt trên 60%.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cấp xã (Đối với 100% các TTHC yêu cầu xác thực thông suốt trên hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư hoặc các hệ thống thông tin khác).

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 60%.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%.

- Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa các cấp (Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 100%; Tỷ lệ TTHC số hoá kết quả giải quyết đạt 100%; Tỷ lệ khai thác sử dụng lại tài liệu đạt trên 50%).

- Trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước).

- 100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Trên 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

(Chi tiết phân công thực hiện các mục tiêu cụ thể tại phụ lục I kèm theo)

II. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin về Ngày chuyển đổi số quốc gia (ngày 10/10 hàng năm); thực hiện tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của Sở; tuyên truyền, phổ biến để người dân hiểu được lợi ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, mua sắm trực tuyến và sử dụng các nền tảng số, công nghệ số trong cuộc sống hằng ngày và tăng cường sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số.

- Yêu cầu công chức, viên chức, người lao động thuộc các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

2. Thể chế số

- Cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng TTHC các cấp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để xây dựng, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

- Thực hiện quy chế tích hợp, kết nối, liên thông phục vụ chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Hạ tầng số

- Phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi toàn bộ địa chỉ giao thức Internet thế hệ cũ (Ipv4) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6) đối với toàn bộ hệ thống ứng dụng của cơ quan.

- Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện các trang thiết bị đầu cuối như mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét và các trang thiết bị cần thiết khác bảo đảm đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, của các cấp, các ngành và phục vụ cho việc số hóa, chuẩn hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của Sở.

- Triển khai các giải pháp an toàn thông tin cho hệ thống mạng LAN của cơ quan như: Trang bị tường lửa, hệ thống cảnh báo truy nhập trái phép, các phần mềm bảo mật, diệt virus và các hệ thống đảm bảo an toàn khác.

4. Dữ liệu số

- Thực hiện tiếp nhận, kế thừa, sử dụng các cơ sở dữ liệu (CSDL) đã được Trung ương, UBND tỉnh đầu tư, xây dựng.

- Cung cấp số liệu để xây dựng Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang.

- Tiếp tục duy trì, vận hành ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) gồm hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và các cơ sở dữ liệu thành phần (CSDL thông tin quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, CSDL thống kê kiểm kê đất đai, CSDL giá đất), tiếp tục số hóa và chuẩn hóa thông tin để hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của 02 huyện Hiệp Hòa và thành phố Bắc Giang, hệ thống cơ sở dữ liệu kho lưu trữ tài nguyên và môi trường, hệ thống quan trắc môi trường tự động.

- Hoàn thiện và tổ chức thực hiện thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang.

- Xây dựng CSDL ngành tài nguyên môi trường: Xây dựng CSDL đất đai của huyện Lục Ngạn và Sơn Động; Xây dựng CSDL tài nguyên và môi trường dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn (big data, data lake) nhằm quản lý toàn diện tài nguyên số về tài nguyên và môi trường; Số hóa hồ sơ lưu trữ.

- Xây dựng và chia sẻ dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

5. Nền tảng số

Triển khai thực hiện cập nhật dữ liệu của tỉnh lên các nền tảng dữ liệu số tài nguyên và môi trường của quốc gia phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh: (i) Nền tảng dữ liệu thông tin đất đai; (ii) Nền tảng dữ liệu thông tin bản đồ, không gian địa lý, viễn thám; (iii) Nền tảng

dữ liệu môi trường; (iv) Nền tảng dữ liệu địa chất, khoáng sản; (vi) Nền tảng thông tin thời tiết, khí hậu và biến đổi khí hậu; (vii) Nền tảng dữ liệu thông tin tài nguyên nước.

6. Nhân lực số

- Tổ chức tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chuyên trách CNTT: Bố trí đủ cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo Quy định quản lý chuyên môn, nghiệp vụ đối với đơn vị và cán bộ chuyên trách CNTT trong các CQNN tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 445/2013/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND tỉnh; tạo điều kiện, cử cán bộ chuyên trách CNTT tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong các CQNN theo nhu cầu của ngành.

7. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục rà soát, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trong các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của Sở theo mô hình 4 lớp, đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; tham gia diễn tập bảo đảm an toàn thông tin mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

8. Chính quyền số

- Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng đã triển khai một cách có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin một cửa điện tử, hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, hệ thống quan trắc môi trường tự động, hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh… bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với chương trình cải cách thủ tục hành chính. Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh; đẩy mạnh thanh toán trực tuyến *(đối với các thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí)* trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tích hợp giải pháp xác thực điện tử tập trung; thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan.

- Duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử của cơ quan đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai, phát triển, tích hợp, ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan.

9. Xã hội số

- Duy trì, hỗ trợ kịp thời việc tiếp nhận phản ánh hiện trường và xử lý thông tin của Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Bắc Giang.

- Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên nền tảng số, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường. Bảo đảm tương tác giữa các cơ quan trong ngành với tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện số, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ

(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách cấp tỉnh cân đối, cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường năm 2024.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị thuộc Sở có trách nhiệm phổ biến, quán triệt Kế hoạch này tới công chức, viên chức, người lao động của đơn vị; chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ; đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao ở từng lĩnh vực công tác, cụ thể hóa các nội dung của Kế hoạch này.

2. Giao Văn phòng Sở phối hợp Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất tham mưu xây dựng, kiểm tra đôn đốc các phòng, đơn vị thuộc Sở trong việc triển khai thực hiện các nội dung chuyển đổi số theo từng chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

3. Giao Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về

chuyển đổi số của ngành tài nguyên và môi trường. Tham mưu Lãnh đạo Sở, xây dựng Kế hoạch bố trí kinh phí triển khai công tác chuyển đổi số theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các phòng, đơn vị trực thuộc Sở phản ánh về Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban chỉ đạo CĐS tỉnh Bắc Giang;
- Sở TT và TT;
- UBND các huyện, TP;
- LĐS;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng TNMT, CN VPĐK đất đai các huyện, TP;
- Lưu: VT, TT LT&PTQĐ$_{Ninh}$.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BẮC GIANG

Bùi Quang Huy

PHỤ LỤC I. PHÂN CÔNG CÁC PHÒNG, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 1 /KH-STNMT ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	**Phát triển chính quyền số**		
1	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt trên 70%	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở
2	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ xa đạt trên 60%	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở
3	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cấp xã(Đối với 100% các TTHC yêu cầu xác thực thông suốt trên hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư hoặc các hệ thống thông tin khác)	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 60%	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở
5	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở
6	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa các cấp (Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 100%; Tỷ lệ TTHC số hoá kết quả giải quyết đạt 100%; Tỷ lệ khai thác sử dụng lại tài liệu đạt trên 50%)	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở
7	Trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở

	mạng (trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước)		
8	100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	Trung tâm Lưu trữ và PTQĐ	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở
9	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở
10	Trên 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-STNMT ngày tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tham mưu UBND tỉnh, Giám đốc Sở ban hành quy định về quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng TTHC các cấp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để xây dựng, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở

PHỤ LỤC III: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-STNMT ngày tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	**Dữ liệu số lĩnh vực Tài nguyên và môi trường**			
1	Xây dựng, triển khai các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; phát triển hệ thống tiếp nhận, phân tích, cảnh báo về dữ liệu quan trắc môi trường như: nước thải, nước mặt, khí thải và không khí xung quanh tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dân cư đáp ứng thời gian thực trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh từng giai đoạn	Triển khai các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; phát triển hệ thống tiếp nhận, phân tích, cảnh báo về dữ liệu quan trắc môi trường như: nước thải, nước mặt, khí thải và không khí xung quanh tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dân cư đáp ứng thời gian thực trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh	Chi cục Bảo vệ môi trường	Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất
2	Thực hiện thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang	Thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang.	Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Văn phòng Sở
3	Xây dựng CSDL tài nguyên và môi trường dùng chung	Xây dựng CSDL tài nguyên và môi trường dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn (big data, data lake) nhằm quản lý toàn diện tài nguyên số về tài nguyên và môi trường	Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở

4	Xây dựng CSDL đất đai của huyện Lục Ngạn và Sơn Động	- Huyện Lục Ngạn và Sơn Động	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	Trung tâm Lưu trữ và phát triển quỹ đất, Văn phòng Sở, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Đo đạc Bản đồ và Viễn thám, UBND huyện Sơn Động, UBND huyện Lục Ngạn
5	Số hóa hồ sơ lưu trữ	Số hóa hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang	Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất	Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, CN VPĐK đất đai các huyện TP
6	Xây dựng và chia sẻ dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nguồn thải trên địa bàn tỉnh(bổ sung trường thông tin, dữ liệu) để có thể tích hợp trên Hệ thống cơ sở thông tin dữ liệu môi trường quốc gia	Chi cục Bảo vệ môi trường	Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất
7	Xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Nâng cấp phần mềm quản lý, kết nối trạm cân, camera giám sát tại các bãi chứa, kho chứa khoáng sản của doanh nghiệp được cấp phép khai thác trên địa bàn tỉnh	Phòng Tài nguyên khoáng sản	Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất